

Số: 175/ĐHSPKTVL
V/v thông báo chỉ tiêu tuyển sinh đại học
ngành Sư phạm công nghệ
năm 2023

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: *Yêu Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bến Tre*

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học năm 2023 của Trường đại học SPKT Vĩnh Long;

Căn cứ Công văn số 2464/BGDĐT-GDDH ngày 24/05/2023 của Bộ Giáo dục & Đào tạo thông báo số lượng chỉ tiêu dự kiến các ngành đào tạo giáo viên năm 2023;

Trường đại học SPKT Vĩnh Long thông tin đến Quý Cơ quan về 20 chỉ tiêu tuyển sinh đại học ngành Sư phạm công nghệ của Nhà trường trong năm 2023 được Bộ Giáo dục & Đào tạo giao. Dựa trên nhu cầu đào tạo giáo viên của địa phương, rất mong Quý Cơ quan phối hợp với Nhà trường thực hiện việc tuyển sinh, đào tạo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Chế độ của sinh viên sau khi trúng tuyển vào Trường được thực hiện theo đúng Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ.

Trân trọng./.

Thông tin liên hệ:

- Trường đại học SPKT Vĩnh Long: 73 Nguyễn Huệ, phường 2, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

- Website: <http://vlute.edu.vn>

- Điện thoại: 0270.3862456; Email: spktvl@vlute.edu.vn; Fax: 0270.3821003

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng tuyển sinh (để b/c);
- Lưu VT, KTĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



PGS.TS. Lao Hùng Phi

Số: *2464* /BGDDĐT-GDDH
V/v thông báo số lượng chỉ tiêu dự
kiến các ngành đào tạo giáo viên
năm 2023

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ nhu cầu đào tạo giáo viên của các địa phương, năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo và các quy định hiện hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo số lượng chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học và trình độ cao đẳng hình thức chính quy năm 2023 của cơ sở đào tạo (Phụ lục đính kèm);

Các cơ sở đào tạo trực thuộc các địa phương, bộ ngành chỉ tổ chức tuyển sinh đào tạo sau khi uỷ ban nhân dân tỉnh hoặc bộ ngành giao nhiệm vụ, có kế hoạch cấp kinh phí theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo để cơ sở đào tạo biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND các tỉnh có CSĐT trực thuộc (để p/h chỉ đạo);
- TTr Hoàng Minh Sơn (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Vụ KHTC, Cục NG&CBQLGD (để p/h);
- Lưu: VT, GDDH.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Phạm Như Nghị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số *2464* /BGDDĐT-GDĐH ngày *24* tháng 5 năm 2023)

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Của: VLU - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Đại học	20	
1.1	Sư phạm công nghệ	20	
2	Cao đẳng SP		

8

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 02 năm 2023

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VĨNH LONG (Trường công lập)
(KÝ HIỆU TRƯỜNG VLU)

I. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 2790

1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

3. Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/03/2023.

- Dự kiến đợt xét tuyển: 30/3/2023; 02/5/2023; 02/6/2023 và đợt bổ sung (nếu có)

- Thí sinh tra cứu kết quả xét trúng tuyển tại địa chỉ <http://vlute.edu.vn/tuyensinh>

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

4.1. Phương thức 1:

- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi THPT năm 2023;

- Xét tuyển từ kết quả thi THPT các năm trước;

Chỉ tiêu xét tuyển cho phương thức này từ 25% đến 30%

a) Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Xét tuyển từ kết quả điểm thi THPT năm 2023 hoặc từ kết quả điểm thi THPT các năm trước. Điểm xét tuyển là tổng điểm thi của các môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Nguyên tắc xét tuyển: Xét điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

d) Cách tính điểm xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT.

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm THPT}_{\text{môn 1}} + \text{Điểm THPT}_{\text{môn 2}} + \text{Điểm THPT}_{\text{môn 3}} + \text{Điểm}_{\text{ưu tiên}}$$

Trong đó

ĐXT: điểm xét tuyển;

Điểm THPT_{môn 1, môn 2, môn 3}: là điểm thi THPT của các môn trong tổ hợp xét tuyển;

Điểm_{ưu tiên}: được tính theo quy định trong quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Phương thức 2: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (theo học bạ)

Chỉ tiêu cho phương thức này từ 55% đến 60%

a) Điều kiện đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm tối thiểu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào 18.0 điểm của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển của 5 học kỳ bậc THPT (lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12).

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và có tổng điểm trung bình của 5 học kỳ bậc THPT (lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12) của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển **đạt từ 18.0 điểm trở lên**; Riêng đối với ngành sư phạm công nghệ **mã ngành-7140246** đạt từ **24.0 điểm** trở lên và có điểm cả năm lớp 12 đạt giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT đạt từ 8.0 trở lên. Điểm ưu tiên cộng vào điểm xét tuyển những thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.

c) Nguyên tắc xét tuyển: Xét điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

d) Cách tính điểm xét tuyển theo học bạ THPT

$$X_t = \sum_{i=1}^3 M_i + \text{Điểm}_{\text{ưu tiên}}$$

Trong đó:

- X_t : Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- M_i : Điểm trung bình 5 học kỳ (lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12) của môn thứ i , tính theo công thức:

$$M_i = \frac{\text{HK1L10} + \text{HK2L10} + \text{HK1L11} + \text{HK2L11} + \text{HK1L12}}{5}$$

+ HK1, HK2: học kỳ 1, học kỳ 2
+ L10, L11, L12: lớp 10, lớp 11, lớp 12

- Điểm $_{\text{ưu tiên}}$: Được tính theo quy định trong quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ví dụ: Thí sinh Nguyễn Văn B đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn: Toán, Lý, Hoá (A00)

Môn	Toán					Lý					Hóa					Điểm đăng ký xét tuyển
	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	
ĐTBmh (SHK)	7.5	7.6	7.8	7.5	8.0	7.4	7.9	8.2	8.0	8.1	6.7	7.2	7.7	8.2	8.1	7.68+ 7.92+7.58 =23.18
Điểm xét tuyển	(7.5+7.6+7.8+7.5+8.0)/5=7.68					(7.4+7.9+8.2+8.0+8.1)/5=7.92					(6.7+7.2+7.7+8.2+8.1)/5=7.58					

4.3. Phương thức 3: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng

Chỉ tiêu cho phương thức này từ 15% đến 20%

- Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường Đại học SPKT Vĩnh Long cho các đối tượng sau:
 - **Đối tượng thứ 1:** Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023; Học lực đạt loại giỏi cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 bậc THPT và hạnh kiểm cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 đạt loại khá

trở lên; Riêng học sinh trường THPT chuyên học lực và hạnh kiểm đạt loại khá trở lên cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

- **Đối tượng thứ 2:** Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 và đạt giải nhất, nhì, ba học sinh giỏi cấp tỉnh một trong các môn Toán, Văn, Lý, Hoá, Sinh, Tiếng Anh hoặc đạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh.

Đối với phương thức tuyển thẳng thí sinh được chọn tất cả các ngành, được ưu tiên xét miễn học phí.

4.4. Phương thức 4: Xét tuyển của kỳ thi đánh giá năng lực:

Chỉ tiêu cho phương thức này từ 5% đến 10%

Học sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước, tham gia thi đánh giá năng lực năm 2023 đạt 50% tổng điểm đánh giá năng lực của các Đại học Quốc gia trong cả nước; xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực tự duy do Trường Đại học SPKT Vĩnh Long tổ chức (DK).

5. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình đại trà

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp
1	Kinh tế			
	- Kế toán	7310101	200	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Quản trị kinh doanh			
	- Tài chính-Ngân hàng			
2	Truyền thông đa phương tiện	7320104	30	
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	30	
4	Thương mại điện tử	7340122	30	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	40	
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303	50	
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202	40	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	100	
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			
	- Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông	7510301	90	
	- Kỹ thuật điện			
10	Công nghệ thông tin			
	- Mạng máy tính và Truyền thông	7480201	220	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Internet of Things - IoT			
	- An toàn thông tin			
	- Điện toán đám mây			
11	Khoa học máy tính			
	- Trí tuệ nhân tạo	7480101	40	
	- Khoa học dữ liệu			
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	40	
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	350	
14	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	120	
15	Kỹ thuật ô tô Công nghệ kỹ thuật ô tô điện	7520130	100	
16	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	70	
17	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	30	
18	Công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường)	7510104	20	

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp
19	Công nghệ thực phẩm	7540101	100	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
20	Thú y	7640101	150	
21	Công nghệ sinh học	7420201	20	
	- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao			
	- Công nghệ sinh học trong thực phẩm			
	- Kỹ thuật xét nghiệm Y-Sinh			
22	Kỹ thuật hóa học	7520301	20	
	- Kỹ thuật hóa môi trường			
	- Kỹ thuật hóa dược			
23	Công nghệ sau thu hoạch	7540104	20	
24	Giáo dục học	7140101	25	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Sử, GDCD (C19)
25	Quản lý giáo dục	7140114	25	
26	Công tác xã hội	7760101	30	
27	Du lịch	7810101	90	
28	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	
29	Luật	7380101	50	
30	Sư phạm công nghệ	7140246	20	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Toán, Văn, Địa (C04) (4) Toán, Văn, GDCD (C14)
Tổng cộng			2200	

6. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình đào tạo kỹ sư làm việc Nhật bản

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp	
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)	
2	Công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường)	7510104_NB	25		
3	Công nghệ sinh học	7420201_NB	25	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)	
	- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao				
	- Công nghệ sinh học trong thực phẩm				
	- Kỹ thuật xét nghiệm Y-Sinh				
4	Công nghệ thực phẩm	7540101_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)	
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_NB	25		
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_NB	25		
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202_NB	25		
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_NB	45		
9	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_NB	25		
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_NB	70		
Tổng cộng			315		

7. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình chất lượng cao (liên kết quốc tế 2+2 với trường đại học TONGMYONG-Hàn Quốc)

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp
1	Kinh tế	7310101_CLC	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Kế toán			
	- Quản trị kinh doanh - Tài chính-Ngân hàng			
2	Khoa học máy tính	7480101_CLC	25	
	- Trí tuệ nhân tạo - Khoa học dữ liệu			
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_CLC	20	
4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203_CLC	25	
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_CLC	25	
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_CLC	20	
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_CLC	25	
8	Công nghệ thông tin	7480201_CLC	25	
	- Mạng máy tính và Truyền thông			
	- Internet of Things – IoT			
	- An toàn thông tin - Điện toán đám mây			
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_CLC	25	
10	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605_CLC	20	
11	Công nghệ thực phẩm	7540101_CLC	20	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
12	Du lịch	7810101_CLC	20	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Sử, GDCD (C19)
Tổng cộng			275	

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, PHƯƠNG THỨC, ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

☛ Hồ sơ đăng ký xét tuyển phương thức 1

- Xét từ kết quả kỳ thi THPT năm 2023: Thí sinh đăng ký hồ sơ cùng với kỳ thi THPT năm 2023 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét từ kết quả kỳ thi THPT các năm trước, hồ sơ gồm có:

1. Giấy chứng nhận kết quả điểm thi THPT các năm trước;
2. Phiếu đăng ký xét tuyển;
3. Bằng tốt nghiệp THPT thí sinh đã tốt nghiệp các năm trước (có công chứng);
4. Giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân (có công chứng);
5. Giấy khai sinh (bản sao hoặc bản photo có công chứng);
6. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (có công chứng, nếu có).

☛ Hồ sơ đăng ký xét tuyển phương thức 2, 3 (học bạ, tuyển thẳng) gồm có:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển <http://vlute.edu.vn/vi/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy/>
2. Học bạ THPT (có công chứng);

3. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (có công chứng, có thể nộp bổ sung sau khi được cấp) hoặc Bằng tốt nghiệp THPT có công chứng (nếu tốt nghiệp các năm trước);
4. Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (có công chứng);
5. Giấy khai sinh (bản sao hoặc bản photo có công chứng)
6. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (có công chứng, nếu có);

☒ **Hồ sơ đăng ký xét tuyển phương thức 4 (đánh giá năng lực) gồm có:**

1. Phiếu đăng ký xét tuyển <http://vlute.edu.vn/vi/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy/>
2. Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (có công chứng, có thể nộp bổ sung sau khi được cấp) hoặc Bằng tốt nghiệp THPT có công chứng (nếu tốt nghiệp các năm trước);
3. Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (có công chứng);
4. Giấy khai sinh (bản sao hoặc bản photo có công chứng)
5. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (có công chứng, nếu có);
6. Phiếu điểm thi đánh giá năng lực (có công chứng, nếu xét phương thức 4).

☒ **Thí sinh đăng ký xét tuyển theo một trong các phương thức sau:**

1. Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh.
2. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm tư vấn tuyển sinh của trường.
3. Đăng ký xét tuyển online theo địa chỉ <http://www.vlute.edu.vn>

☞ **Địa chỉ liên hệ:**

Trung tâm Tư vấn tuyển sinh Trường Đại học SPKT Vĩnh Long
Số 73 Nguyễn Huệ, phường 2, Tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại liên lạc: 0270 386 2456, 0270 382 0203
Email: tuyensinh@vlute.edu.vn; Website: <http://vlute.edu.vn>

III. MỨC HỌC PHÍ (Dự kiến)

Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Miễn 100% học phí toàn khóa học đối với ngành Sư phạm công nghệ-mã ngành 7140246;
- Miễn 100% học phí học kỳ đầu của khóa học cho thí sinh có điểm trúng tuyển cao (khoảng 15% đến 20% tổng chỉ tiêu của từng ngành, ưu tiên trúng tuyển diện tuyển thẳng);
- **Mức học phí nhóm 1: 5.700.000đ/HK1** (khoảng 380.000đ/tín chi) gồm các ngành: Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Công tác xã hội, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế, Truyền thông đa phương tiện.
- **Mức học phí nhóm 2: 5.800.000đ/HK1** (khoảng 386.000đ/tín chi) gồm các ngành: Luật, Kinh doanh quốc tế, Thương mại điện tử, Công nghệ sinh học.
- **Mức học phí nhóm 3: 6.150.000đ/HK1** (khoảng 410.000đ/tín chi) gồm các ngành khối kỹ thuật.
- Mức học phí đối với thí sinh trúng tuyển **chương trình đào tạo kỹ sư làm việc Nhật Bản: 8.500.000đ/HK1** (kể cả tiếng Nhật, khoảng 515.000đ/tín chi)
- Mức học phí đối với thí sinh trúng tuyển **chương trình chất lượng cao** (liên kết quốc tế 2+2 với trường đại học TONGMYONG-Hàn Quốc: **7.800.000đ/HK1** (kể cả tiếng Hàn, khoảng 515.000đ/tín chi)

IV. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD và Đào tạo, Bộ LĐTB và XH ban hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển. Ngoài ra, các sinh viên trúng tuyển vào Trường Đại học SPKT Vĩnh Long được hưởng thêm các ưu tiên sau:

1. Xét cấp học bổng từng học kỳ đối với sinh viên loại khá, giỏi trở lên;
2. Được hưởng trợ cấp xã hội và ưu đãi giáo dục theo quy định của Nhà nước;
3. Được tư vấn giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động sau khi ra trường.

V. CAM KẾT CHẤT LƯỢNG

1. Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế;
2. Trường Đại học duy nhất trên toàn quốc sinh viên tốt nghiệp đạt chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3/5;
3. Sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp. Nhà trường kết nối với doanh nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc doanh nghiệp, nuôi dưỡng ý tưởng phát triển dự án khởi nghiệp để sinh viên trở thành những người quản lý làm chủ doanh nghiệp đem lại những giá trị cho xã hội;
4. Sinh viên được đào tạo Tiếng Nhật và giới thiệu việc làm tại Nhật Bản sau khi tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi Nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- HĐTS (để thực hiện);
- Lưu: KT và ĐBCLGD.



PGS.TS. Lao Hùng Phi

